



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600618918
  - Vốn điều lệ: 200.000.000.000 Việt Nam Đồng
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 Việt Nam Đồng
  - Địa chỉ: Lô A4, đường số 2, Khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
  - Số điện thoại: 0613968175
  - Số fax: 0613968176
  - Website: www.anco.com.vn
  - Mã cổ phiếu (nếu có):
  - Quá trình hình thành và phát triển:
- Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế (“Công Ty”/”ANCO”) được thành lập từ năm 2003, tiền thân là liên doanh giữa Malaysia và Việt Nam với nhà máy đầu tiên đặt tại Đồng Nai. ANCO đã không ngừng phát triển để mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng đỉnh cao mà giá thành luôn hợp lý đem lại sự kỳ vọng và tin yêu của khách hàng.
  - Tại ANCO hoạt động nghiên cứu phát triển luôn được quan tâm chú trọng. Năm 2015, Viện khoa học dinh dưỡng Masan ra đời với nhiệm vụ được chia thành hai mảng: nghiên cứu phát triển và kỹ thuật thương mại. Hoạt động nghiên cứu và phát triển được phân nhánh cho từng loại vật nuôi gồm: gia cầm, heo, thủy sản, bò. Tổng nhân sự công tác tại bộ phận nghiên cứu và phát triển khoảng 50 người với trình độ từ đại học trở lên tại các trường đại học danh tiếng tại Việt Nam và thế giới.
  - Năm 2015, với sứ mệnh là một công ty sản xuất, cung cấp thức ăn gia súc có chất lượng tốt trên thị trường, Công Ty chúng tôi thấu hiểu nỗi khó khăn người chăn nuôi heo, đó là, bài toán về "hiệu quả cao – chi phí thấp"; và nhằm giúp người chăn nuôi gia tăng hiệu quả kinh tế bằng cách áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhất, Công Ty đã nghiên cứu, phát triển và cung cấp sản phẩm Cám bổ sung Bio-zeemTM- Đột phá trong công nghệ chăn nuôi giúp cải thiện hiệu quả chăn nuôi qua việc giảm thiểu heo bệnh và tiết kiệm đến 6% lượng cám so với khi dùng cám thông thường và, Cám có Bio-zeemTM được đánh giá là bước đột phá mới trong lĩnh vực chăn nuôi, giúp người chăn nuôi có thể làm giàu từ nghề nuôi heo.
  - Đầu năm 2016, Công Ty tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời dòng sản phẩm cám không chất cấm. Cuối năm 2016, Công Ty chúng tôi đã cho ra đời dòng sản phẩm cám không có kháng sinh với Super Biozeem, giúp bà con nông dân nuôi heo xuất chuồng sớm 12 ngày và tiết kiệm chi phí, dòng sản phẩm này cũng giúp giảm việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi.
  - Qua hơn 14 năm hình thành và phát triển, công ty ANCO đã gặt hái được những thành tựu to lớn và là công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi hàng đầu tại Việt Nam. Sau đây là các cột mốc đáng nhớ trong lịch sử hình thành và phát triển của ANCO:
- ▶ Năm 2007: Thành lập Công ty Liên Doanh Dinh Dưỡng Thủy Sản Quốc Tế tại tuyến công nghiệp Cổ Chiên, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long và Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế - chi nhánh Hà Nam tại khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam;

- ▶ Năm 2015: Công Ty Cổ Phần Masan Nutri-Science đầu tư 70% cổ phần vào ANCO và có những bước hỗ trợ phát triển mạnh mẽ;
- ▶ Từ năm 2015-2016: Mở rộng mạng lưới kinh doanh toàn quốc bằng cách thành lập các Công ty sau: Công ty TNHH Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Nghệ An, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Tiền Giang, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Hậu Giang và Công ty TNHH Masan Nutri-Farm;
- ▶ Năm 2016, Công Ty đã triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Enterprise resource planning software, viết tắt là ERP, là một giải pháp phần mềm với mục đích hỗ trợ việc quản trị công ty. Chức năng chính của ERP đó là tích hợp tất cả mọi phòng ban, mọi chức năng của công ty lại trong một hệ thống máy tính duy nhất để dễ theo dõi hơn, nhưng đồng thời cũng đủ linh hoạt để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau.
- Thời điểm niêm yết: 19/12/2016
- Các sự kiện khác:
- Năm 2011: Giải thưởng “Doanh nghiệp quản lý thức ăn chăn nuôi tốt nhất năm 2011” do Cục Chăn Nuôi trao tặng;
- Năm 2012: Bằng khen do Thủ Tướng Chính Phủ trao tặng cho các hoạt động “Vi nạn nhân chất độc da cam”, Giải thưởng “Sản phẩm nông nghiệp xuất sắc nhất năm 2012” do Cục Chăn Nuôi trao tặng;
- Năm 2016: Giải thưởng “Công ty sản xuất thức ăn cho lợn tốt nhất năm 2015-2016” do Hội đồng chấm thi giải thưởng Vietstock trao tặng;
- Năm 2017: Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.

## 2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Địa bàn kinh doanh: Khu vực Miền Tây và Miền Đông Nam Bộ.

## 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Mô hình quản trị:  
Ba cấp quản trị (Cấp Công ty – Cấp Bộ phận – Cấp Chức năng) và quản lý theo mục tiêu.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - Hội Đồng Quản Trị;
  - Tổng Giám Đốc; và
  - Ban Kiểm Soát.
- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (Việt Nam Đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ANCO
1	CÔNG TY LIÊN DOANH DINH DƯỠNG THỦY SẢN QUỐC TẾ (“ANCO Vĩnh Long”)	Tuyến công nghiệp Cổ Chiên (Khu IV), ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	200.000.000.000	100%

2	CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN (“ANCO Thái Nguyên”)	Lô B5-B6, Khu công nghiệp Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	25.830.000.000	100%
3	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ NGHỆ AN (“ANCO Nghệ An”)	Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, thuộc xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	64.000.000.000	100%
4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ BÌNH ĐỊNH (“ANCO Bình Định”)	Lô B4.06 Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	37.800.000.000	100%
5	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ TIỀN GIANG (“ANCO Tiền Giang”)	Lô 22, 23B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	22.302.000.000	100%
6	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HẬU GIANG (“ANCO Hậu Giang”)	Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	30.000.000.000	100%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (Việt Nam Đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ANCO
7	CÔNG TY TNHH MASAN NUTRI – FARM (“MNF”)	Trong khuôn viên của Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế (Lô A4, Lô A4, đường số 2, Khu công nghiệp Sông mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	500.000.000.000	99,998%
8	CÔNG TY TNHH MASAN NUTRI-FARM (N.A) (“MNF N.A”)	Xóm Côn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.	Chăn nuôi lợn; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt lợn	450.000.000.000	99,99%
9	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ SÚC SẢN (“VISSAN”)	Số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt	809.143.000.000	24,94%

#### 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - Trở thành nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam với sản phẩm chất lượng cao cấp.
  - Đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam và nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt Nam thông qua việc nâng cao năng suất của ngành chăn nuôi.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Chuyển đổi và tích hợp nền tảng kinh doanh 3F (Feed - Farm - Food: từ trang trại đến bàn ăn).

#### 5. CÁC RỦI RO

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua, liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.
- Diễn biến phức tạp của tình hình thời thời tiết sẽ ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu cung ứng cho hoạt động sản xuất của Công ty khi mà phần lớn nguyên liệu sản xuất đều là nông sản.
- Năm 2016, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động bởi sự phát triển thiếu tính bền vững, tăng trưởng vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Tốc độ tăng trưởng GDP tuy không đạt chỉ tiêu đề ra nhưng trong bối

cảnh kết cấu địa - chính trị thế giới nhiều bất ổn, công cuộc cải cách, tái cấu trúc nền kinh tế vẫn còn dang dở thì mức tăng GDP 6.21% vẫn được xem là một nỗ lực đáng ghi nhận.

- Sự sụt giảm sâu của ngành công nghiệp khai khoáng, lĩnh vực nông nghiệp gặp khó vì thiên tai, và những diễn biến cực đoan về môi trường đã gây tổn thất gần 1% GDP (khoảng 1.7 tỷ USD). Trong phần trình bày về nông nghiệp trong báo cáo Tình hình kinh tế – xã hội năm 2016 và nhiệm vụ 2017 tại phiên khai mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa 14, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết: “Thiên tai, rét đậm, rét hại ở phía bắc, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế-xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống của người dân”.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ANCO đầu tư 2.135 tỷ đồng để mua lại 24,9% vốn VISSAN, tương ứng mức giá chi trả cho mỗi cổ phiếu là 106.000 đồng.

#### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi 933 ngàn tấn, đạt 90,58% kế hoạch đề ra tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 1.416 tỷ đồng, vượt 15% so với kế hoạch đề ra tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016.

### 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TÓM TẮT LÝ LỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	PHẠM TRUNG LÂM	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	1. Thông tin cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sinh ngày: 09/08/1973</li> <li>• Địa chỉ thường trú: 967W6 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul> 2. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế TP.HCM                     3. Kinh nghiệm làm việc: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ năm 1991 - 2002: Giám đốc bán hàng Unilever Việt Nam;</li> <li>• Từ năm 2002 - 2005: Giám đốc bán hàng Nestle Việt Nam</li> <li>• Từ năm 2005 - 2013: Giám đốc bán hàng Công Ty Cổ Phần Masan Consumer;</li> </ul>	0%

			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ năm 2015 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Masan Nutri-Science, Tổng Giám Đốc của ANCO;</li> <li>• Từ năm 2016 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc ANCO.</li> </ul>	
2	ERNEST VIJYAKUMAR RICHARDS	Giám đốc Vận hành	1. Thông tin cá nhân <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sinh ngày : 25/01/1952</li> <li>• Quốc tịch: Malaysia</li> <li>• Chức vụ: Giám Đốc Vận Hành.</li> </ul> 2. Bằng cấp chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thạc sỹ quản trị kinh doanh.</li> <li>• Chứng chỉ ACCA.</li> </ul> 3. Kinh nghiệm làm việc: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2008- 2011: Giám Đốc Tài Chính ANCO;</li> <li>- Từ năm 2013 – 2014: Tổng Giám Đốc ANCO;</li> <li>- Từ năm 2014 đến nay: Giám Đốc Vận Hành.</li> </ul>	0%
3	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Giám đốc Tài chính	1. Thông tin cá nhân <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 12/01/1972</li> <li>• Hộ khẩu thường trú: 244/22 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh</li> </ul> 2. Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chứng chỉ CPA Australia</li> <li>• Thạc sỹ Kế toán Quốc tế, Swinburne University, Australia</li> <li>• Cử nhân Đại học Kinh Tế TP. HCM, chuyên ngành Tài chính</li> </ul> 3. Kinh nghiệm làm việc:                     Bà Nguyễn Thị Minh Hằng có 22 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các công ty thương mại và doanh nghiệp sản xuất, trong đó 18 năm đảm nhiệm vị trí quản lý. Trong 10 năm gần nhất, từ năm 2006 – 2012 là Giám Đốc Tài Chính tại Công ty ScanCom International Việt Nam, là doanh nghiệp sản xuất 100% vốn đầu tư của Đan Mạch có quy mô 4.000 nhân viên ở Việt Nam. Từ 2012-2016 đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Tài Chính của Công ty Triumph International Việt Nam, là doanh nghiệp sản xuất, bán buôn và bán lẻ 100% vốn đầu tư của Thụy Sĩ với 4.000 nhân viên ở Việt Nam, phụ trách bộ phận Kế toán tài chính, Thuế, IT, Pháp lý và Tuân thủ.	0%

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TÓM TẮT LÝ LỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
4	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ năm: 1990- 2001: Kế toán tổng hợp Cty XNK Bà Rịa Vũng Tàu;</li> <li>Từ năm 2001-2003: Công ty TNHH Dinh Dưỡng NN Quốc Tế;</li> <li>Từ năm 2003 đến nay: Kế toán trưởng ANCO.</li> </ul>	0%

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Bổ nhiệm mới Giám Đốc Tài Chính và Giám Đốc Vận Hành.

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:** 1.268 người lao động.

## 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư 2.135 tỷ đồng để mua lại 24,9% vốn VISSAN. VISSAN có trụ sở đăng ký tại số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của VISSAN là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt. Trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, ANCO đã mua thêm lần lượt là 14,00% và 10,94% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vissan. Các giao dịch này dẫn đến VISSAN đã trở thành công ty liên kết trực tiếp sở hữu bởi ANCO.

- Góp vốn điều lệ cho các công ty con: ANCO Hậu Giang: 30 tỷ đồng, ANCO Nghệ An: 64 tỷ đồng, MNF: 499,99 tỷ đồng.

- Đầu tư 42,92 tỷ đồng vào dự án Enterprise Resource Planning Software, viết tắt là ERP, là một giải pháp phần mềm với mục đích hỗ trợ việc quản trị công ty.

- Niệm yểm 13 triệu trái phiếu thời hạn 5 năm với tổng giá trị 1.300 tỷ đồng.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của ANCO. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	3.801.582.339.494	9.224.262.462.039	143%
Doanh thu thuần	6.394.665.950.327	10.569.007.145.990	65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	919.389.437.245	1.278.844.500.834	39%
Lợi nhuận khác	1.835.483.658	137.303.911.098	7381%
Lợi nhuận trước thuế	921.224.920.903	1.416.148.411.932	54%
Lợi nhuận sau thuế	768.519.832.637	1.281.425.035.183	67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức:	51%	100%	96%

* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	3.801.582.339.494	9.224.262.462.039	143%
Doanh thu	6.953.471.407.181	11.356.787.086.729	63%
Thuế và các khoản phải nộp			
+ Thuế và các khoản phải nộp cuối năm	62.805.998.490	46.408.956.037	-26%
+ Thuế và các khoản nộp phát sinh trong năm	240.370.733.763	301.939.252.456	26%
+ Thuế và các khoản phải nộp đã nộp trong năm	227.863.126.207	316.293.846.921	39%
Lợi nhuận trước thuế	921.224.920.903	1.416.148.411.932	54%
Lợi nhuận sau thuế	768.519.832.637	1.281.425.035.183	67%

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:	2.71	0.62	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1.97	0.38	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.32	0.82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.46	4.43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.	5.85	6.64	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản.	1.68	1.15	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12%	12%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	30%	75%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	20%	14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	14%	12%	

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

**5.1. Cổ phần:** 20.000.000 cổ phần

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Masan Nutri Science	Việt Nam	19,999,998	99.999990
2	Nguyễn Bích Hà Nguyễn	Việt Nam	1	0.000005
3	Đặng Văn Đức	Việt Nam	1	0.000005

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Niêm yết 13 triệu trái phiếu thời hạn 5 năm với tổng trị giá niêm yết 1.300 tỷ đồng.

## 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

STT	YÊU CẦU	Thức ăn hỗn hợp, đậm đặc thành phẩm (Kg)	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (Kg)
6.1	<b>Quản lý nguồn nguyên vật liệu</b>		
a	Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm	266,345,224	26,500
b	Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức	0.38%	0
6.2	<b>Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:</b>		
a	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp		
	-Điện (KW):	7,576,956	228,592
	-Củi ép dùng lò hơi (kg):	2,102,470	0
	-Dầu DO (lít):	87,600	10,200
b	Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	0	0
c	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này	Không có	Không có

6.3	<b>Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)</b>		
a	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng		
	-Nguồn cung cấp:	Công ty TNHH Việt Thăng Long (Nhà máy nước Sông Mây) – Đồng Nai	
	-Số lượng sử dụng (m3)	34,404	1,553
b	Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng	0	0
6.4	<b>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</b>		
a	Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường	0	0
b	Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.	0	0

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 1.268 người, mức lương trung bình 8.700.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tổ chức các lớp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo đúng quy định pháp luật.
- Tổ chức tham gia du lịch hàng năm nhằm tạo điều kiện để người lao động nghỉ ngơi, thư giãn trong năm và giúp tăng tình đoàn kết giữa các phòng ban, đơn vị.

c) Số giờ đào tạo trong năm: 392 giờ

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Vào ngày 20/4/2016, Cục Chăn nuôi đã ký biên bản ghi nhớ 3 bên với Hội Chăn nuôi, Công ty ANCO và Công ty PROCONCO về việc thực hiện Chương trình vận động “100.000 hộ chăn nuôi cam kết không sử dụng chất cấm” nhằm góp phần xây dựng nền chăn nuôi sạch, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi trong thời kỳ hội nhập.

- Quỹ "ANCO cùng bạn vì nạn nhân chất độc da cam" từ năm 2007 vẫn được Công ty duy trì và phát triển.

- “Vượt khó cùng ANCO” là chương trình hỗ trợ heo giống và thức ăn chăn nuôi miễn phí đồng thời hướng dẫn, phổ biến kỹ thuật giúp các hộ nông dân nghèo có cơ hội vượt qua hoàn cảnh khó khăn, tự lực vươn lên thoát nghèo. Nguồn vốn chăn nuôi để thực hiện chương trình sẽ do công ty ANCO cung cấp cùng với sự hỗ trợ con giống từ phía các đại lý, đối tác và chính quyền địa phương.

- Đã trở thành truyền thống, vào dịp tổng kết năm học hàng năm, Công ty Anco lại tổ chức tặng quà là dụng cụ học tập cho các học sinh tiểu học vùng sâu vùng xa. Món quà tuy nhỏ nhưng lại là nguồn động lực lớn giúp cho các em học sinh nghèo cố gắng vươn lên trong học tập và cuộc sống.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Từ năm 2015-2016: Mở rộng mạng lưới kinh doanh toàn quốc bằng cách thành lập các Công ty sau: Công ty TNHH Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Nghệ An, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Tiền Giang, Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Hậu Giang và Công ty TNHH Masan Nutri-Farm.

- Đầu năm 2016, Công Ty tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời dòng sản phẩm cám không chất cấm. Cuối năm 2016, Công Ty chúng tôi đã cho ra đời dòng sản phẩm cám không có kháng sinh với Super Biozeem, giúp bà con nông dân nuôi heo xuất chuồng sớm 12 ngày và tiết kiệm chi phí, dòng sản phẩm này cũng giúp giảm việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài sản

- Năm 2016 cũng là năm ghi nhận sự tăng vọt về quy mô tổng tài sản của ANCO. Tài sản của ANCO đã tăng gấp 2,4 lần, từ 3.801,5 tỷ đồng lên 9.146 tỷ đồng.

- Nguyên nhân là do ANCO có thêm 2.310 tỷ đồng cho vay dài hạn các bên liên quan gồm Kenji (thêm 58 tỷ đồng) và Shika (thêm 1.447 tỷ đồng) với kỳ hạn dài (2 năm) và lãi suất cho vay 6,5%/năm. Đây đều là hai công ty tư vấn quản lý do Tập đoàn Masan nắm tỷ lệ chi phối.

b) Tình hình nợ phải trả

- Vốn vay đã tài trợ tích cực cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của ANCO trong năm 2016. Trong 9 tháng đầu năm, ANCO đã vay thêm 3.882 tỷ đồng và hoàn trả 2.371 tỷ đồng. Số dư nợ ngắn hạn còn lại đều vay từ các ngân hàng trong nước gồm VietinBank, Vietcombank và Techcombank. Trong khi đó, các khoản vay dài hạn được ANCO vay từ PROCONCO (323 tỷ đồng) và qua kênh trái phiếu gần 2.000 tỷ đồng.

#### 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2016, ANCO đã ban hành các chính sách, các quy định quy định về quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Năm 2016, Công Ty đã triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Enterprise resource planning software, viết tắt là ERP, là một giải pháp phần mềm với mục đích hỗ trợ việc quản trị công ty. Chức năng chính của ERP đó là tích hợp tất cả mọi phòng ban, mọi chức năng của công ty lại trong một hệ thống máy tính duy nhất để dễ theo dõi hơn, nhưng đồng thời cũng đủ linh hoạt để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau.

#### 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Tập trung nâng cao giá trị gia tăng cho hàng nông sản thông qua chất lượng và phát triển thương hiệu, tham gia vào chuỗi giá trị cung ứng (tiến đến khép kín) như mô hình 3F trong chăn nuôi (Feed-Farm-Food) để mang lại lợi ích cao nhất cho người tiêu dùng.

#### 5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.

### 6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

#### 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

STT	YÊU CẦU	Thức ăn hỗn hợp, đậm đặc thành phẩm (Kg)	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (Kg)
1	<b>Quản lý nguồn nguyên vật liệu</b>		
1.1	Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm	266,345,224	26,500
1.2	Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức	0.38%	0
2	<b>Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:</b>		
2.1	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp		
	-Điện (KW):	7,576,956	228,592
	-Củi ép dùng lò hơi (kg):	2,102,470	0
	-Dầu DO (lít):	87,600	10,200
2.2	Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	0	0
2.3	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này	Không có	Không có
3	<b>Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)</b>		
3.1	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng		
	-Nguồn cung cấp:	Công ty TNHH Việt Thăng Long (Nhà máy nước Sông Mây) – Đồng Nai	
	-Số lượng sử dụng (m3)	34,404	1,553
3.2	Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng	0	0
4	<b>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</b>		
4.1	Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường	0	0
4.2	Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.	0	0

## 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Với tư cách là thành viên của Masan Group, ANCO tự hào khi Masan Group đứng vị trí thứ 13 trong “Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” theo công bố của mạng nghề nghiệp Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen, căn cứ trên các yếu tố như lương, thưởng, phúc lợi, doanh nghiệp có nguồn nhân lực hạnh phúc... các tiêu chí này đánh giá sự gắn kết cả về tinh cảm và lý trí của người lao động với doanh nghiệp, từ đó họ sẽ nỗ lực tự nguyện giúp Công Ty thành công và cam kết gắn bó.

## 6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Xem Mục 6.6 Phần II của Báo Cáo Thường Niên này.

# IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Năm 2016, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động bởi sự phát triển thiếu tính bền vững, tăng trưởng vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Tốc độ tăng trưởng GDP tuy không đạt chỉ tiêu đề ra nhưng trong bối cảnh kết cấu địa - chính trị thế giới nhiều bất ổn, công cuộc cải cách, tái cấu trúc nền kinh tế vẫn còn dang dở thì mức tăng GDP 6.21% vẫn được xem là một nỗ lực đáng ghi nhận.

- Sự sụt giảm sâu của ngành công nghiệp khai khoáng, lĩnh vực nông nghiệp gặp khó vì thiên tai, và những diễn biến cực đoan về môi trường đã gây tổn thất gần 1% GDP (khoảng 1.7 tỷ USD). Trong phần trình bày về nông nghiệp trong báo cáo Tình hình kinh tế – xã hội năm 2016 và nhiệm vụ 2017 tại phiên khai mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa 14, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết: “Thiên tai, rét đậm, rét hại ở phía bắc, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế-xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống của người dân”.

- Trong báo cáo của Thủ tướng cũng nhắc đến vấn đề tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Theo đó, phải từng bước tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô; tăng cường hợp tác, liên kết, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; nhân rộng các mô hình hiệu quả.

- Bên cạnh đó, Việt Nam hiện đang ở giai đoạn đầu của quá trình thay đổi cơ cấu tiêu thụ lương thực thực phẩm, cả về cơ cấu chi tiêu và cách thức mua sắm. Trong thập kỷ vừa qua mức tiêu thụ thịt (nhất là thịt lợn), sữa và trứng đã tăng rất mạnh với tốc độ nhanh hơn tất cả các nước trong khu vực. Mức tiêu thụ cá và các sản phẩm chế biến khác cũng gia tăng đáng kể.

- Sự dịch chuyển cơ cấu tiêu thụ kéo theo thay đổi về cán cân an ninh lương thực và các chính sách liên quan. Chính sách lương thực của Việt Nam ngày càng phải chú ý đến các vấn đề đa chiều và cần tập trung hơn vào vấn đề dinh dưỡng thay vì sản lượng nông nghiệp, theo đó:

- Nghiên cứu xây dựng mô hình phù hợp với phát triển công nghệ cao để đưa vào nông nghiệp nhằm cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm nuôi trồng và đặc biệt là nâng cao thu nhập của lao động trong ngành nông nghiệp. Tạo điều kiện tốt hơn cho doanh nghiệp tham gia vào đầu tư nông nghiệp, như các chính sách về đất đai, ưu đãi thuế. Kiến tạo môi trường phát triển doanh nghiệp nông nghiệp.

- Muốn liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được cải thiện, cần đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia. Cụ thể như, vừa phải đảm bảo chi phí đầu tư hiệu quả dài hạn, tăng thu nhập cho người nông dân, giảm giá sản phẩm cho người tiêu dùng, và ổn định lợi nhuận cho các doanh nghiệp.

- Nâng cao giá trị gia tăng cho hàng nông sản thông qua chất lượng và phát triển thương hiệu. Tham gia vào chuỗi giá trị cung ứng (tiến đến khép kín) như mô hình 3F trong chăn nuôi (Feed-Farm-Food) để mang lại lợi ích cao nhất cho người tiêu dùng. Người Việt Nam không những được hưởng lợi từ mức giá thấp hơn, mà các sản phẩm đậm động vật còn được bảo đảm chất lượng, an toàn, truy xuất nguồn gốc.

- Trước tình hình và diễn biến kinh tế tại Việt Nam có nhiều biến động, với sứ mệnh là một công ty sản xuất, cung cấp thức ăn gia súc có chất lượng tốt trên thị trường, năm 2016, sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công Ty cam kết không có chất cấm. Bên cạnh đó, hưởng ứng tinh thần của Thông tư 06/2016/TT-BNNPT-NT về Danh mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (sau đây gọi tắt là “Thông Tư 06”), Công ty đã đưa ra thị trường những sản phẩm không dùng kháng sinh (mặc dù nguyên tắc chung của Thông Tư 06 là cho phép sử dụng tối đa 02 kháng sinh nhằm mục đích kích thích sinh trưởng quy định trong Danh Mục ban hành kèm theo Thông Tư này). Sản phẩm cám không có kháng sinh với Super Biozeem đã góp phần giúp bà con nông dân nuôi heo xuất chuồng sớm 12 ngày và tiết kiệm chi phí, dòng sản phẩm này cũng giúp giảm việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi.

- Với nỗ lực không ngừng, trong năm qua, Công Ty đã đạt lợi nhuận gộp khoảng 2.464 tỷ đồng, lợi nhuận thuần khoảng 1.278 tỷ đồng.

## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc có nhiều cố gắng, nỗ lực đạt hiệu quả cao trong việc hoàn thành vượt kế hoạch mục tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận. Thành tích có được xuất phát từ sự điều hành của Tổng giám đốc và sự phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty, Ban Giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- Ngoài ra, sự chủ động phối hợp với Hội Đồng Quản Trị đã đảm bảo cho Hội Đồng Quản Trị nắm bắt tình hình và giám sát tốt hoạt động của Công ty.

## 3. CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khép lại một năm 2016 đầy thách thức, chúng tôi tin rằng năm 2017 mở ra những vận hội mới cho Công Ty với mục tiêu sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi đạt 1.527 ngàn tấn và chiến lược tập trung nâng cao giá trị gia tăng cho hàng nông sản thông qua chất lượng và phát triển thương hiệu, tham gia vào chuỗi giá trị cung ứng (tiến đến khép kín) như mô hình 3F trong chăn nuôi (Feed-Farm-Food) để mang lại lợi ích cao nhất cho người tiêu dùng. Với sứ mệnh đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam và nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt Nam thông qua việc nâng cao năng suất của ngành chăn nuôi và tầm nhìn trở thành nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam với sản phẩm chất lượng cao cấp, Công Ty cần có sự chuẩn bị tốt hơn nữa để tiếp tục phát triển doanh nghiệp bền vững. Chúng ta phải duy trì sự tập trung, làm ít hơn với quy mô lớn hơn để phát triển và vươn lên vị trí dẫn đầu. Chúng ta sẽ tiếp tục nuôi dưỡng môi trường văn hóa có thể truyền cảm hứng cho nhân tài nhằm dẫn dắt thay đổi để kiến tạo giá trị thông qua sự sáng tạo và có được lý tưởng sống và khát vọng. Nếu chúng ta khát vọng khám phá và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, chúng ta sẽ có cơ hội đạt được mục tiêu năm 2020 là được công nhận trên toàn cầu là niềm tự hào của Việt Nam thông qua việc tạo dựng một mô hình kinh doanh thành công, độc đáo ở Đông Nam Á.

# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU	CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM GIỮ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC
1	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Không có	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng giám đốc PROCONCO. - Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị VISSAN. - Chủ tịch các công ty: ANCO Vĩnh Long, ANCO Bình Định, ANCO Tiền Giang, ANCO Hậu Giang, ANCO Thái Nguyên, ANCO Nghệ An, MNF N.A.
2	Trần Phương Bắc	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Không có	- Giám đốc MNF
3	Danny Le	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Không có	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị PROCONCO. - Thành viên Hội Đồng Quản Trị MNS

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có tiểu ban.

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị hoạt động ổn định và đúng quy định pháp luật.
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm:

Stt	Số nghị quyết	Nội dung chính
1	01/2016/NQ-HĐQT Ngày 14/04/2016	Phê duyệt Hợp đồng vay từ Công Ty Cổ Phần Việt – Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia Súc (“PROCONCO”) 1.330.000.000.000VND (Một nghìn ba trăm ba mươi tỷ đồng).
2	03/2016/NQ-AC Ngày 27/5/2016	Phê duyệt về việc thay đổi điều lệ của các công ty con. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Hằng giữ chức vụ Giám Đốc Tài Chính Công Ty. Bổ nhiệm ông Ernest Vijyakumar Richards giữ chức vụ Giám Đốc Vận Hành Công Ty. Chuyển toàn bộ lợi nhuận của các công ty con về ANCO. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của các công ty con.
3	04/2016/NQ-HĐQT Ngày 30/05/2016	Phê duyệt việc góp vốn vào Công ty TNHH Masan Nutri-farm. Ủy quyền cho ông Phạm Trung Lâm làm đại diện sở hữu toàn bộ vốn góp của ANCO tại Công ty TNHH Masan Nutri-farm.
4	05/2016/NQ-HĐQT Ngày 31/05/2016	Bổ nhiệm ông Phạm Trung Lâm vào chức danh chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014-2019 và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Stt	Số nghị quyết	Nội dung chính
5	06/2016/NQ-AC Ngày 09/06/2016	Phê duyệt cho hoạt động góp vốn đầu tư vào 3 công ty con. - ANCO Hậu Giang: 30 tỷ đồng - ANCO Nghệ An: 64 tỷ đồng - Công ty TNHH Masan Nutri-farm: 499,99 tỷ đồng
6	07/2016/NQ-HĐQT Ngày 22/08/2016	Phê duyệt cho việc phát hành trái phiếu. Phê duyệt cho Kenji sử dụng vốn cổ phần của Proconco hoặc tài sản Công ty làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty liên quan đến đợt phát hành trái phiếu.
7	08/2016/NQ-AC Ngày 23/08/2016	Phê duyệt cho việc bổ sung 1 con dấu cho Anco. Phê duyệt sơ đồ, cơ cấu tổ chức mới của Anco. Phê duyệt dự án ERP. Bổ sung ngành nghề kinh doanh 2220, 4669.
8	10/2016/NQ-HĐQT Ngày 05/09/2016	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng vay với Công ty Cổ Phần Việt-Pháp sản xuất thức ăn gia súc với hạn mức tối đa là 1.200 tỷ VND. Phê duyệt việc ký kết hợp đồng cho vay với Công ty TNHH Kenji với hạn mức tối đa là 1.200 tỷ VND. Ủy quyền cho ông Phạm Trung Lâm và bà Nguyễn Thị Minh Hằng ký kết, quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể liên quan đến 2 khoản vay này.
9	11/2016/NQ-HĐQT Ngày 7/11/2016	Phê duyệt việc cầm cố các hợp đồng tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng có giá trị tối đa 350 tỷ VND để đảm bảo cho các khoản vay của ANCO tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam. Ủy quyền cho ông Phạm Trung ký kết, quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể liên quan đến việc cầm cố này.
10	14/2016/NQ-HĐQT Ngày 12/12/2016	Phê duyệt các giao dịch nội bộ giữa: i) ANCO với các công ty liên quan của ANCO ii) các công ty liên quan của ANCO với nhau iii) ANCO/các công ty liên quan của ANCO với: a) Công ty CP Tập đoàn MASAN b) Các công ty liên quan của Công ty CP Tập đoàn MASAN iv) ANCO với PROCONCO/ các công ty con, công ty có liên quan của PROCONCO. Mỗi giao dịch nội bộ thấp hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất. Phê chuẩn tổng chi phí đầu tư cho cụm S1, S2 của Công ty TNHH Masan Nutri-farm. Phê chuẩn hợp đồng vay từ PROCONCO tối đa 700.000.000.000VND (Bảy trăm tỷ đồng), lãi suất 6.5%/năm, kỳ hạn 1 năm.
11	15/2016/NQ-HĐQT Ngày 31/12/2016	Phê duyệt phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư và thanh lý tài sản cố định. Ủy quyền cho ông Phạm Trung Lâm – Tổng giám đốc quyết định và ký duyệt các giao dịch cụ thể.

**1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

**1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Ông Phạm Trung Lâm và

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên	Không có
2	Đào Thị Mai Hoa	Thành viên	Không có
3	Đặng Ngọc Cả	Thành viên	Không có

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

## 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2016, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát không nhận thù lao cho cương vị thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm soát và Hội Đồng Quản Trị không phát sinh bất cứ chi phí hoạt động nào.

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Các hợp đồng thuê kho, cho vay, chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu, quy trình công nghệ, bí quyết công thức ... giữa ANCO với các công ty con, các bên liên quan đều được kiểm soát chặt chẽ và phê duyệt đầy đủ theo đúng quy định tại Điều Lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Trong năm 2016, ANCO đã ban hành các chính sách, các quy định quy định về quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Bổ nhiệm mới Giám Đốc Tài Chính và Giám Đốc Vận Hành.

- Năm 2016, Công Ty đã triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Enterprise Resource Planning Software, viết tắt là ERP, là một giải pháp phần mềm với mục đích hỗ trợ việc quản trị công ty. Chức năng chính của ERP đó là tích hợp tất cả mọi phòng ban, mọi chức năng của công ty lại trong một hệ thống máy tính duy nhất để dễ theo dõi hơn, nhưng đồng thời cũng đủ linh hoạt để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

<b>Giấy phép đầu tư số</b>	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2003
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các giấy phép đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

**Giấy phép đầu tư số** 472033000720 ngày 28 tháng 12 năm 2008

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được thay đổi nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy chứng nhận đầu tư số 472033000720 ngày 28 tháng 7 năm 2016. Giấy chứng nhận đầu tư và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600618918 ngày 31 tháng 8 năm 2015

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016) Phó Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Trần Phương Bắc	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Danny Lê	Thành viên
	Dương Thanh	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Yew Kean Lai	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Nguyễn Phúc Hảo	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

<b>Ban Giám Đốc</b>	Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc
	Ernest Vijyakumar Richards	Giám đốc Vận hành (từ ngày 27 tháng 5 năm 2016)
	Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc Tài chính (từ ngày 27 tháng 5 năm 2016)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Lê Phạm Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Đào Thị Mai Hoa	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Đặng Ngọc Cả	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Cheong Yew Hoong	Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Nguyễn Duy Phương	Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)

**Trụ sở đăng ký** Lô A4, đường số 2 KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, VN

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, ban giám đốc công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Tổng Giám Đốc



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc  
Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2017

## 1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Kính gửi Cổ đông

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ Công ty ”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

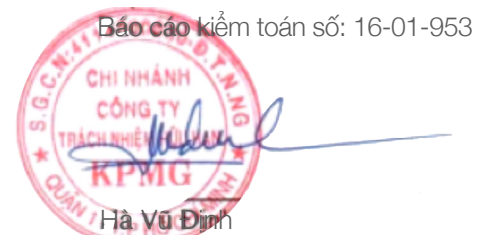
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp

Quốc tế và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam



Báo cáo kiểm toán số: 16-01-953  
Hà Vũ Đình  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

## 2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.134.392.844.632</b>	<b>3.139.152.887.229</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.136.584.266.210</b>	<b>1.176.385.065.556</b>
<b>Tiền</b>	111		74.484.266.210	48.085.065.556
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	112		1.062.100.000.000	1.128.300.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.000.000</b>	-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	123		130.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>766.648.783.009</b>	<b>1.087.191.099.159</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	131	5	652.057.790.498	273.342.850.207
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	132	6	103.825.200.642	24.841.300.564
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	135	7	-	730.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	136	8(a)	16.217.752.300	63.471.216.840

Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.451.960.431)	(4.464.268.452)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.220.771.725.418</b>	<b>859.550.668.671</b>
Hàng tồn kho	141		1.228.169.388.530	859.550.668.671
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.397.663.112)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.258.069.995</b>	<b>16.026.053.843</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	8.257.883.540	8.467.936.611
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.687.666.770	4.308.329.578
Thuế phải thu Nhà nước	153	18	312.519.685	3.151.281.972
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	98.505.682
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.089.869.617.407</b>	<b>662.429.452.265</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.750.726.504.897</b>	<b>-</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	2.631.574.458.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	119.152.046.897	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>732.115.553.251</b>	<b>456.788.590.366</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	702.653.346.207	456.788.590.366
Nguyên giá	222		940.393.646.832	637.624.899.816
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.740.300.625)	(180.836.309.450)
Tài sản cố định vô hình	227	12	29.462.207.044	-
Nguyên giá	228		29.905.247.750	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(443.040.706)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>298.573.858.996</b>	<b>43.761.702.905</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	298.573.858.996	43.761.702.905
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>2.135.490.172.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.135.490.172.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>172.963.528.263</b>	<b>161.879.158.994</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	98.540.421.304	116.898.659.739
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	74.423.106.959	44.980.499.255
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>9.224.262.462.039</b>	<b>3.801.582.339.494</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>7.524.702.163.345</b>	<b>1.205.457.075.983</b>

<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.043.947.226.857</b>	<b>1.159.282.136.067</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	772.216.870.849	360.500.382.099
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.168.020.851	8.773.746.740
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	46.408.956.037	62.805.998.490
Phải trả người lao động	314		-	86.048.846.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	754.473.369.412	446.701.013.322
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	1.993.998.280.545	16.628.295.260
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.468.674.614.457	177.816.738.894
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.480.754.936.488</b>	<b>46.174.939.916</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	34.243.411.378	46.174.939.916
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	37.578.191.778	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	21(b)	2.408.933.333.332	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.699.560.298.694</b>	<b>2.596.125.263.511</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.699.560.298.694</b>	<b>2.596.125.263.511</b>
Vốn cổ phần	411	23	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.497.660.561.108	2.394.235.525.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.279.291.974.330	1.625.715.693.288
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		218.368.586.778	768.519.832.637
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>9.224.262.462.039</b>	<b>3.801.582.339.494</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Tổng cộng nguồn vốn

440 = 300 + 400

440

9.224.262.462.039

3.801.582.339.494

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám Đốc Tài Chính





Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo Tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>11.356.787.086.729</b>	<b>6.953.471.407.181</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>787.779.940.739</b>	<b>558.805.456.854</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>10.569.007.145.990</b>	<b>6.394.665.950.327</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>8.104.957.477.534</b>	<b>5.025.909.862.382</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.464.049.668.456</b>	<b>1.368.756.087.945</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>28</b>	<b>178.083.651.388</b>	<b>95.620.525.038</b>
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>29</b>	<b>157.818.648.508</b>	<b>10.688.970.717</b>
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>151.066.086.421</i>	<i>8.741.526.521</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>1.053.258.332.654</b>	<b>414.684.559.803</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>26</b>	<b>31</b>	<b>152.211.837.848</b>	<b>119.613.645.218</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.278.844.500.834</b>	<b>919.389.437.245</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>32</b>	<b>144.118.185.118</b>	<b>5.049.370.961</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>33</b>	<b>6.814.274.020</b>	<b>3.213.887.303</b>
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>137.303.911.098</b>	<b>1.835.483.658</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>1.416.148.411.932</b>	<b>921.224.920.903</b>
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (trang trước mang sang)</b>	<b>50</b>		<b>1.416.148.411.932</b>	<b>921.224.920.903</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>35</b>	<b>164.165.984.453</b>	<b>163.476.152.554</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>35</b>	<b>(29.442.607.704)</b>	<b>(10.771.064.288)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.281.425.035.183</b>	<b>768.519.832.637</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				

<b>Cổ đông của Công ty</b>	<b>61</b>	<b>1.281.425.035.183</b>	<b>768.519.832.637</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>36</b>	<b>64.071</b>
			<b>38.426</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập



 Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế Toán Trưởng



 Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám Đốc Tài Chính



 Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ :**

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.416.148.411.932</b>	<b>921.224.920.903</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
<b>Khấu hao và phân bổ</b>	<b>02</b>		<b>58.734.198.662</b>	<b>39.160.410.535</b>
<b>Các khoản dự phòng</b>	<b>03</b>		<b>8.385.355.091</b>	<b>3.607.334.601</b>
<b>Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</b>	<b>04</b>		<b>3.399.353.875</b>	<b>1.904.496.954</b>
<b>Lãi từ hoạt động đầu tư</b>	<b>05</b>		<b>(177.166.331.890)</b>	<b>(94.756.011.442)</b>
<b>Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu</b>	<b>06</b>		<b>151.066.086.421</b>	<b>8.741.526.521</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.460.567.074.091</b>	<b>879.882.678.072</b>
<b>Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>09</b>		<b>(395.432.456.097)</b>	<b>(20.379.464.313)</b>
<b>Biến động hàng tồn kho</b>	<b>10</b>		<b>(368.618.719.859)</b>	<b>(150.241.193.172)</b>
<b>Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác</b>	<b>11</b>		<b>562.537.546.120</b>	<b>236.382.048.703</b>
<b>Biến động chi phí trả trước</b>	<b>12</b>		<b>(18.406.708.494)</b>	<b>(44.122.287.932)</b>

		<b>1.240.646.735.761</b>	<b>901.521.781.358</b>
<b>Tiền lãi vay và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả</b>	14	(97.837.505.607)	(8.641.915.559)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</b>	15	(185.944.253.463)	(142.021.244.263)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>956.864.976.691</b>	<b>750.858.621.536</b>

<b>Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang</b>	21	(614.164.497.131)	(276.513.237.117)
<b>Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định</b>	22	1.739.896.657	136.363.636
<b>Tiền chi cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	23	(6.261.466.378.000)	(730.000.000.000)
<b>Tiền thu hồi từ cho vay</b>	24	4.418.161.920.000	848.000.000.000
<b>Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>	25	(2.135.490.172.000)	-
<b>Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	26	-	4.000.000.000
<b>Tiền thu lãi tiền gửi</b>	27	50.685.578.874	52.748.179.195
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.540.533.651.600)</b>	<b>(101.628.694.286)</b>

#### LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<b>Tiền thu từ nhận vốn góp vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát</b>	31	10.000.000	-
<b>Tiền thu từ đi vay và phát hành trái</b>	33	12.847.312.663.456	1.128.034.500.468
<b>Tiền trả nợ gốc vay</b>	34	<b>(9.113.454.787.893)</b>	<b>(950.217.761.574)</b>
<b>Tiền trả cổ tức</b>	36	(190.000.000.000)	(230.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.543.867.875.563</b>	<b>(52.183.261.106)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(39.800.799.346)</b>	<b>597.046.666.144</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.176.385.065.556</b>	<b>579.337.256.852</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	-	<b>1.142.560</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>1.136.584.266.210</b>	<b>1.176.385.065.556</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám Đốc Tài Chính





Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh Công ty tại tỉnh Hà Nam (“Chi nhánh”) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 8 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty con).

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Số thứ tự	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con</b>						
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>						
1	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vinh Long”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tằm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	Khu IV, tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	100,00%	100,00%	
2	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B4.06, khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), khu kinh tế Nhơn, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	

(i) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603383090 phê duyệt việc thành lập MNF. Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”) và Công ty lần lượt có 0,01% và 99,99% tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF. MNF trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

(ii) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878 phê duyệt việc thành lập MNF (NA). MNF sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF (NA). Vì vậy, MNF (NA) trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNF.

(iii) Trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua thêm lần lượt là 14,00% và 10,94% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vissan. Các giao dịch trên dẫn đến Vissan trở thành công ty liên kết sở hữu trực tiếp của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 1.628 nhân viên (1/1/2016: 1.211 nhân viên).

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### (a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư

được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

### (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá chuyển khoản mua và tỷ giá chuyển khoản bán, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

### (e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân

(i) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603383090 phê duyệt việc thành lập MNF. Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”) và Công ty lần lượt có 0,01% và 99,99% tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF. MNF trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

(ii) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878 phê duyệt việc thành lập MNF (NA). MNF sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF (NA). Vì vậy, MNF (NA) trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNF.

(iii) Trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua thêm lần lượt là 14,00% và 10,94% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vissan. Các giao dịch trên dẫn đến Vissan trở thành công ty liên kết sở hữu trực tiếp của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 1.628 nhân viên (1/1/2016: 1.211 nhân viên).

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### (a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư

được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

### (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá chuyển khoản mua và tỷ giá chuyển khoản bán, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

### (e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân



bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 4 - 20 năm
- máy móc và thiết bị 2 - 15 năm
- phương tiện vận chuyển 5 - 10 năm
- thiết bị văn phòng 4 - 12 năm

#### **(h) Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 45 năm.

#### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 45 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương

pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(m) Trái phiếu phát hành**

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

#### **(n) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(p) Doanh thu và thu nhập khác**

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### (r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### (s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

#### (t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Tiền mặt</b>	404.509.861	86.423.358
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	74.079.756.349	47.864.542.198
<b>Tiền đang chuyển</b>	-	134.100.000
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	1.062.100.000.00	1.128.300.000.00
	0	0
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	1.136.584.266.21	1.176.385.065.55
	0	6

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

#### 5. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

##### (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)</b>	194.471.146.721	9.844.742.000
<b>Các khách hàng khác</b>	457.586.643.777	263.498.108.207
	652.057.790.498	273.342.850.207

##### b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Proconco</b>	194.471.146.721	9.844.742.000
<b>Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên</b>	20.299.956.240	-
<b>Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định</b>	5.851.735.071	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

#### 6. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Trả trước để mua hàng tồn kho</b>	15.031.195.305	6.899.864.772
<b>Trả trước để mua tài sản cố định</b>	75.773.102.175	15.429.777.650
<b>Trả trước để mua dịch vụ</b>	12.076.074.173	2.511.658.142
<b>Khác</b>	944.828.989	-
	103.825.200.642	24.841.300.564

## 7. Phải thu về cho vay

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Phải thu từ Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) (*)</b>	788.400.000.000	730.000.000.000
<b>Phải thu từ Công ty TNHH Shika (“Shika”) (**)</b>	1.447.174.458.000	-
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) (***)</b>	396.000.000.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000
<b>Ngắn hạn</b>	-	730.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	2.631.574.458.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, khoản phải thu về cho vay từ Kenji, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 8,0%.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty và Kenji đã đồng ý tái cơ cấu lại khoản nợ gốc còn phải thu và lãi lũy kế liên quan tại ngày 6 tháng 1 năm 2016. Khoản cho vay đã tái cơ cấu này sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(\*\*) Khoản phải thu về cho vay từ Shika, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(\*\*\*) Khoản phải thu về cho vay từ MSN, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2021 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

## 8. Các khoản phải thu khác

### (a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Các khoản tạm ứng</b>	4.510.677.176	3.680.070.243
<b>Tiền đặt cọc ngắn hạn</b>	1.219.387.100	629.122.330
<b>Lãi phải thu từ các bên liên quan</b>	7.550.684.931	57.600.000.000
<b>Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu</b>	-	839.020.501
<b>Cho mượn nguyên liệu và các khoản khác phải thu từ các bên liên quan</b>	-	463.665.000
<b>Phải thu khác</b>	2.937.003.093	259.338.766
	16.217.752.300	63.471.216.840

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Lãi phải thu từ Kenji</b>	62.553.600.000	-
<b>Lãi phải thu từ Shika</b>	52.008.912.650	-
<b>Lãi phải thu từ MSN</b>	4.589.534.247	-
	119.152.046.897	-

## 9. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	4.464.268.452	856.933.851
<b>Tăng dự phòng trong năm</b>	3.431.393.654	3.607.334.601
<b>Hoàn nhập</b>	(2.443.701.675)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	5.451.960.431	4.464.268.452

## 10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Hàng mua đang đi đường</b>	506.295.930.533	-	359.001.316.653	-
<b>Nguyên vật liệu</b>	639.628.108.828	(7.397.663.112)	398.680.673.419	-
<b>Công cụ và dụng cụ</b>	49.492.919	-	26.499.406.653	-
<b>Thành phẩm</b>	78.623.076.888	-	75.369.271.946	-
<b>Hàng hóa</b>	3.572.779.362	-	-	-
	1.228.169.388.530	(7.397.663.112)	859.550.668.671	-

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh khoản dự phòng lập trong năm (2015: không có).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 7.398 triệu VND (1/1/2016: không có) nguyên vật liệu lỗi thời không có dự định sử dụng. Những khoản mục này liên quan đến bao bì với nhãn in cũ dự kiến sẽ được thanh lý phế liệu trong năm tới.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có nguyên vật liệu với giá gốc 7.938 triệu VND (1/1/2016: không có) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	308.063.525.021	244.161.101.771	63.286.848.945	22.113.424.079	637.624.899.816
Tăng trong năm	596.438.292	6.697.139.441	5.092.716.200	748.337.000	13.134.630.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	203.131.585.236	82.892.227.596	6.165.725.000	754.600.000	292.944.137.832
Thanh lý	-	(1.782.778.717)	(1.527.243.032)	-	(3.310.021.749)
Số dư cuối năm	511.791.548.549	331.967.690.091	73.018.047.113	23.616.361.079	940.393.646.832
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	66.947.955.574	78.169.286.853	31.691.018.683	4.028.048.340	180.836.309.450
Khấu hao trong năm	23.536.308.400	23.677.060.190	8.157.171.138	2.920.618.228	58.291.157.956
Thanh lý	-	(165.791.151)	(1.221.375.630)	-	(1.387.166.781)
Số dư cuối năm	90.484.263.974	101.680.555.892	38.626.814.191	6.948.666.568	237.740.300.625
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	241.115.569.447	165.991.814.918	31.595.830.262	18.085.375.739	456.788.590.366
Số dư cuối năm	421.307.284.575	230.287.134.199	34.391.232.922	16.667.694.511	702.653.346.207

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 35.095 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 32.666 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

## 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng trong năm	3.655.247.750
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	26.250.000.000
Số dư cuối năm	29.905.247.750
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	443.040.706
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	29.462.207.044

## 13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	43.761.702.905	38.458.558.653
Tăng trong năm	537.031.293.923	96.399.671.396
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	10.725.000.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(292.944.137.832)	(91.096.527.144)
Số dư cuối năm	298.573.858.996	43.761.702.905

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Dự án tại:</b>		
ANCO Hậu Giang	232.997.136.664	235.245.000
MNF (NA)	56.852.132.292	-
ANCO Nghệ An	6.627.671.860	43.276.457.905
Trụ sở chính tại Đồng Nai	1.714.592.281	-
Chi nhánh Hà Nam	30.753.899	-
ANCO Vĩnh Long	15.200.000	-
ANCO Thái Nguyên	86.372.000	-
ANCO Bình Định	250.000.000	250.000.000
	298.573.858.996	43.761.702.905

## 14. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016			1/1/2016							
	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quy ền biểu quy ết	Nguyên giá	Dự phòn g giảm giá	Giá trị hợ p lý	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quy ền biểu quy ết	Nguyên giá	Dự phòn g giảm giá
			VND	VND	VND				VND	VND	VND
Vissan	20.18 0.026	24,9 4%	24,9 4%	2.135.490.1 72.000	-	(*)	-	-	-	-	-

(\*) Tại ngày báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

15. Chi phí trả trước  
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	275.991.355	564.344.857
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.338.972.436	1.536.126.501
Công cụ và dụng cụ trả trước	4.635.668.164	5.788.491.474
Chi phí khác	2.007.251.585	578.973.779
	8.257.883.540	8.467.936.611

(a) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	101.498.390.315	11.723.842.755	3.676.426.669	116.898.659.739
Tăng trong năm	-	31.299.180.936	1.014.869.180	32.314.050.116
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	(26.250.000.000)	-	-	(26.250.000.000)
Phân loại lại sang xây dựng cơ bản dở dang	(10.725.000.000)	-	-	(10.725.000.000)
Phân bổ trong năm	(1.272.162.688)	(11.295.289.463)	(1.129.836.400)	(13.697.288.551)
Số dư cuối năm	63.251.227.627	31.727.734.228	3.561.459.449	98.540.421.304

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	390.732.111	538.439.719
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	862.992.152	151.779.762
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	427.775.463	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	70.058.182.547	36.229.505.655
Chi phí phải trả dài hạn	2.683.424.686	8.060.774.119
	74.423.106.959	44.980.499.255

17. Các khoản phải trả người bán – ngắn hạn  
(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	156.335.478.716	201.231.269.233
Các nhà cung cấp khác	615.881.392.133	159.269.112.866
	772.216.870.849	360.500.382.099

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Proconco	95.400.512.039	346.416.131
Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định	1.968.779.860	-
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	165.770.286	-

Khoản thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Hoàn lại VND	Phân lại sang thuế phải thu VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.232.643	1.301.154.568	(953.033.201)	(1.094.909.074)	796.314.299	161.553.018	223.312.253
Thuế nhập khẩu	-	107.595.459	(105.539.086)	(2.056.372.898)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.259.322.375	164.165.984	(185.944.253)	-	-	150.966.667	38.632.020
Thuế thu nhập cá nhân	2.534.443.472	26.582.996.892	(22.104.281)	-	-	-	7.013.159.049
Thuế khác	-	2.293.657.088	(1.753.192.385)	-	-	-	540.464.703
	62.805.998.490	301.939.252	(316.293.846)	(3.151.281.972)	796.314.299	312.519.685	46.408.956
		456	.921)		9	037	

**19. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Thưởng và lương tháng thứ 13</b>	128.203.357.677	-
<b>Chi phí quảng cáo và khuyến mãi</b>	122.819.289.472	53.931.731.220
<b>Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại chúng</b>	69.800.772.770	-
<b>Lãi trái phiếu</b>	49.816.666.666	-
<b>Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	7.820.241.284	7.080.999.336
<b>Mua hàng chưa nhận được hóa đơn</b>	-	3.404.485.247
<b>Chi phí lãi vay</b>	-	99.610.962
<b>Chi phí khác</b>	22.034.179.143	146.519.134.982
	400.494.507.012	211.035.961.747
<b>Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>	353.978.862.400	235.665.051.575
	754.473.369.412	446.701.013.322

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Chiết khấu bán hàng</b>	388.222.273.778	281.839.991.491
<b>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>	(353.978.862.400)	(235.665.051.575)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	34.243.411.378	46.174.939.916

Chi phí phải trả dài hạn phản ánh chiết khấu bán hàng phải trả trong vòng hai năm tiếp theo.

**19. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Cổ tức phải trả</b>	1.988.000.000.000	-
<b>Mượn nguyên vật liệu</b>	-	15.133.764.222
<b>Ký quỹ ngắn hạn nhận được</b>	242.040.000	242.040.000
<b>Bảo hiểm xã hội</b>	188.787.025	190.298.140
<b>Kinh phí công đoàn</b>	-	57.707.250
<b>Các khoản khác</b>	5.567.453.520	1.004.485.648
	1.993.998.280.545	16.628.295.260

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Lãi vay phải trả cho một bên liên quan</b>	37.578.191.778	-

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Cổ đông Proconco</b>	1.988.000.000.000	-
	37.578.191.778	3.650.000

Khoản phi thương mại phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

**21. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Hoàn trả	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	177.816.738.894	177.816.738.894	5.464.312.663.456	(4.173.454.787.893)	1.468.674.614.457	1.468.674.614.457
<b>Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 21(b))</b>	-	-	4.940.000.000.000	(4.940.000.000.000)	-	-
	177.816.738.894	177.816.738.894	10.404.312.663.456	(9.113.454.787.893)	1.468.674.614.457	1.468.674.614.457

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)</b>	VND	4,7% - 5,0%	1.265.859.002.587	177.816.738.894
<b>Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)</b>	USD	1,5%	124.619.455.273	-
<b>Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)</b>	VND	4,7%	78.196.156.597	-
			1.468.674.614.457	177.816.738.894

(\*)Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 2.000 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng một đến ba tháng kể từ ngày giải ngân.

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 300 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng sáu tháng kể từ ngày giải ngân.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Vay dài hạn (i)</b>	5.383.000.000.000	-
<b>Trái phiếu thường (ii)</b>	1.965.933.333.332	-
	7.348.933.333.332	-
<b>Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh (21(a)))</b>	(4.940.000.000.000)	-
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	2.408.933.333.332	-

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Khoản vay không đảm bảo từ Proconco</b>	VND	6,5%	2018	443.000.000.000	-
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>				443.000.000.000	-

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Trái phiếu phát hành theo mệnh giá</b>					
<b>Lô 1</b>	VND	7%	2021	1.275.733.333.332	-
<b>Lô 2</b>	VND	8%	2021	690.200.000.000	-
<b>Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng</b>				1.965.933.333.332	-

Bao gồm nhưng không giới hạn, các trái phiếu phát hành trên được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của Proconco và Công ty được nắm giữ lần lượt bởi Kenji và MNS.

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.855.715.693.288	-	2.057.605.430.874
<b>Lợi nhuận thuần trong năm</b>	-	-	-	768.519.832.637	-	768.519.832.637
<b>Cổ tức (Thuyết minh 24)</b>	-	-	-	(230.000.000.000)	-	(230.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	2.394.235.525.925	-	2.596.125.263.511
<b>Vốn góp</b>	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
<b>Lợi nhuận thuần trong năm</b>	-	-	-	1.281.425.035.183	-	1.281.425.035.183
<b>Cổ tức (Thuyết minh 24)</b>	-	-	-	(2.178.000.000.000)	-	(2.178.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.497.660.561.108	10.000.000	1.699.560.298.694

**23. Vốn cổ phần****(a) Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**24. Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và ngày 18 tháng 11 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.178 tỷ VND (108.900 VND trên một cổ phiếu) (2015: 230 tỷ VND hoặc 11.500 VND trên một cổ phiếu).

**25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Trong vòng một năm</b>	4.831.081.029	4.508.553.334
<b>Từ hai đến năm năm</b>	16.624.324.116	18.088.104.196
<b>Sau năm năm</b>	115.784.258.078	135.534.464.563
	137.239.663.223	158.131.122.093

**Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
<b>Đô la Mỹ</b>	USD96.327	2.198.709.821	USD96.780	2.167.604.029

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng</b>	889.874.808.047	329.401.543.300
<b>Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng</b>	405.347.458.517	47.625.871.551
	1.295.222.266.564	377.027.414.851

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
<b>Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa</b>	10.788.386.930.295	6.883.930.173.646
<b>Doanh thu bán nguyên vật liệu</b>	548.435.817.018	69.541.233.535
<b>Doanh thu từ phí gia công</b>	19.964.339.416	

11.356.787.086.729 6.953.471.407.181

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

<b>Chiết khấu bán hàng</b>	(787.007.077.489)	(558.452.905.104)
<b>Hàng bán bị trả lại</b>	(772.863.250)	(352.551.750)
	(787.779.940.739)	(558.805.456.854)
<b>Doanh thu thuần</b>	10.569.007.145.990	6.394.665.950.327

**27. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND
<b>Thành phẩm và hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp</b>	7.549.381.980.057	4.956.469.881.566
<b>Nguyên vật liệu đã bán</b>	548.177.834.365	69.439.980.816
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	7.397.663.112	-
	8.104.957.477.534	5.025.909.862.382

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
<b>Lãi tiền gửi và cho vay</b>	177.349.290.201	95.583.435.683
<b>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện</b>	734.361.187	23.370.351
<b>Khác</b>	-	13.719.004
	178.083.651.388	95.620.525.038

**29. Chi phí tài chính**

	2016 VND	2015 VND
<b>Chi phí lãi vay</b>	88.416.086.423	8.741.526.521
<b>Lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu</b>	62.649.999.998	-



Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.399.353.875	1.904.496.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.306.126.314	39.613.702
Khác	47.081.898	3.333.540
	157.818.648.508	10.688.970.717

### 30. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	229.003.544.901	178.608.286.249
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	480.520.687.407	160.477.917.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.498.795.631	20.357.088.238
Chi phí vận chuyển	42.437.988.357	25.310.969.456
Chi phí khấu hao	3.406.198.749	3.560.375.212
Công cụ và dụng cụ	4.872.520.923	8.918.496.447
Chi phí khác	33.518.596.686	17.451.426.366
	1.053.258.332.654	414.684.559.803

### 31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	85.286.866.870	78.819.869.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.422.936.851	18.498.478.511
Chi phí khấu hao	5.552.598.684	2.976.543.820
Công cụ và dụng cụ	1.447.501.173	4.424.373.136
Chi phí thuế, phí và lệ phí	52.206.638	805.771.785
Chi phí khác	16.449.727.632	14.088.608.159
	152.211.837.848	119.613.645.218

### 32. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Hoàn nhập dự phòng	140.157.435.642	-
Lãi từ bán phế liệu	-	2.546.102.970
Tiền bồi thường nhận được	-	474.460.400
Thu nhập khác	3.960.749.476	2.028.807.591
	144.118.185.118	5.049.370.961

### 33. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Các khoản chi phí liên quan đến thuế	4.923.120.493	-
Giá trị ghi sổ của phế liệu đã bán	1.189.474.889	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	182.958.311	827.424.241
Chi phí khác	518.720.327	2.386.463.062
	6.814.274.020	3.213.887.303

### 34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	7.239.390.214.921	4.843.203.924.634
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	538.949.497.229	134.280.779.599
Chi phí nhân công và nhân viên	423.859.071.408	324.533.747.848
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.734.198.662	39.160.410.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.631.249.515	248.730.187.048
Chi phí khác	691.588.012.185	155.821.520.111

### 35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	151.781.547.293	163.476.152.554
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.384.437.160	-
	164.165.984.453	163.476.152.554
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(29.442.607.704)	(10.771.064.288)
Chi phí thuế thu nhập	134.723.376.749	152.705.088.266

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	1.416.148.411.932	921.224.920.903
<b>Thuế tính theo thuế suất của Công ty</b>	212.422.261.790	138.183.738.135
<b>Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con</b>	22.700.160.936	21.435.265.096
<b>Thu nhập được miễn thuế</b>	(21.023.615.346)	(15.325.782.179)
<b>Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác</b>	4.053.456.617	4.662.866.305
<b>Chi phí không được khấu trừ thuế</b>	2.017.737.157	432.920.010
<b>Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận</b>	681.417.040	3.251.449.005
<b>Các khoản ưu đãi thuế</b>	(104.751.302.043)	-
<b>Dự phòng thiếu trong những năm trước</b>	12.384.437.160	-
<b>Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng cho các khoản chênh lệch tạm thời</b>	6.238.823.438	-
<b>Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời</b>	-	692.637.012
<b>Lỗi tính thuế đã sử dụng</b>	-	(628.005.118)
	134.723.376.749	152.705.088.266

**(c) Thuế suất áp dụng****ANCO**

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**Chi nhánh Hà Nam (“Chi nhánh”)**

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2006) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế

thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**ANCO Vĩnh Long**

Theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động (từ năm 2006 đến năm 2016) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. ANCO Vĩnh Long cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2009) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Căn cứ theo hướng dẫn của Công văn số 18478/BTC-CST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng ANCO Vĩnh Long đáp ứng điều kiện để hưởng mức thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ trồng trọt, chăn nuôi và chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản và không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ năm 2016 trở đi.

**ANCO Thái Nguyên**

Theo Công văn số 218/CV-BQL ngày 9 tháng 5 năm 2012 được ban hành bởi Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Thái Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2016 đến năm 2025) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Theo công văn này, ANCO Thái Nguyên cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2021). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Năm đầu tiên ANCO Thái Nguyên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhưng thời gian sản xuất và hoạt động dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Thái Nguyên đã đăng ký với Cục thuế tỉnh Thái Nguyên năm đầu tiên được miễn thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**ANCO Tiền Giang**

Theo giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Tiền Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2016 đến năm 2030) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Tiền Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến

năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Năm đầu tiên ANCO Tiên Giang có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhưng thời gian sản xuất và hoạt động dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Tiên Giang đã đăng ký với Cục thuế tỉnh Tiền Giang năm đầu tiên được miễn thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### ANCO Bình Định

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Bình Định được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

#### ANCO Hậu Giang

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Hậu Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

#### ANCO Nghệ An

Theo quy định hiện hành về thuế, ANCO Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu từ dự án và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. ANCO Nghệ An cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

#### MNF

Theo quy định hiện hành về thuế, MNF có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng mức thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

#### MNF (NA)

Theo quy định hiện hành về thuế, MNF (NA) được miễn thuế thu nhập từ hoạt động chăn nuôi lợn. Ưu đãi miễn thuế trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

### 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 1.281.425.035.183 VND (2015: 768.519.832.637 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2015: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

#### (a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	1.281.425.035.183	768.519.832.637

#### (b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 Số cổ phiếu	2015 Số cổ phiếu
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12</b>	20.000.000	20.000.000

### 37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2016 VND	2015 VND
<b>Thu nhập lãi cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tái cơ cấu thành nợ gốc vay</b>	57.600.000.000	-
<b>Thu nhập lãi cho vay trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tái cơ cấu thành nợ gốc vay</b>	800.000.000	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám Đốc Tài Chính




Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc

### 38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Con cò Bình Định</b>		
Bán thành phẩm	55.165.899.040	1.341.692.000
Mua nguyên vật liệu	1.968.779.860	-
<b>Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc</b>		
Bán thành phẩm	762.184.318.588	26.108.783.298
Cung cấp dịch vụ	19.442.445.016	46.200.000
Mua nguyên vật liệu	593.117.505.394	4.482.278.163
Vay	5.383.000.000.000	-
Hoàn trả nợ gốc vay	4.940.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	37.578.191.778	-
Mượn nguyên vật liệu	-	311.940.000
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên</b>		
Bán thành phẩm	64.538.046.922	-
Mua nguyên vật liệu	3.004.328.680	-
<b>Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ</b>		
Bán thành phẩm	26.011.701.690	-
<b>Công ty TNHH Kenji</b>		
Cho vay	58.400.000.000	730.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	63.353.600.000	57.600.000.000
<b>Công ty TNHH Shika</b>		
Cho vay	1.865.336.378.000	-
Thu hồi khoản cho vay	418.161.920.000	-
Thu nhập lãi cho vay	52.008.912.649	-
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>		
Cho vay	4.396.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	4.000.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	12.140.219.178	-
<b>Các thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	21.481.619.076	24.959.551.519

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám Đốc Tài Chính



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám Đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:



TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHẠM TRUNG LÂM

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
ANCO	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế
ANCO Thái Nguyên	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Thái Nguyên
ANCO Nghệ An	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Nghệ An
ANCO Bình Định	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Bình Định
ANCO Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Vĩnh Long
ANCO Tiền Giang	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Tiền Giang
ANCO Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp quốc Tế Hậu Giang
MNS	Công ty Cổ phần Masan Nutri - Science
MNF	Công ty Cổ phần Masan Nutri - Farm
MNF N.A	Công ty Cổ phần Masan Nutri – Farm (N.A)
PROCONCO	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc
VietinBank	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Vietcombank	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Techcombank	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

## MỤC LỤC

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT .....	1
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH: .....	2
3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	2
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	4
5. CÁC RỦI RO .....	4

### II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	5
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	5
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN. ....	7
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	7
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: .....	9
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	9

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	11
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	11
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ .....	11
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI .....	11
5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN .....	11
6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY...12	

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	13
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	14
3. CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	14

### V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	14
2. BAN KIỂM SOÁT .....	17
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT. ....	17

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY .....	17
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH. ....	18
1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN .....	19
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN .....	20
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	23
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ .....	24
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN ...26	
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	52